

Số: **37** /2017/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày **28** tháng **3** năm 2017

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định các tiêu chí để phân loại xã theo mức độ  
khó khăn giai đoạn 2017-2020, trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

### ỦY BAN NHÂN TỈNH NGHỆ AN

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12/11/2015 của Quốc hội về  
phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn  
2016-2020;*

*Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng  
Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai  
đoạn 2016-2020;*

*Căn cứ Quyết định số 50/2016/QĐ-TTg ngày 03/11/2016 của Thủ tướng  
Chính phủ Quyết định về tiêu chí xác định thôn đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng  
dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020;*

*Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31 tháng 10 năm 2016 của  
Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân  
sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện  
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;*

*Căn cứ Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 08/02/2017 của UBND tỉnh  
Nghệ An về việc Phê duyệt kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm  
2016;*

*Theo đề nghị của Ban Dân tộc tỉnh tại Văn bản số 83/BDT-KH.TH ngày  
21 tháng 3 năm 2017.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành Quy định các tiêu chí để phân loại xã theo mức độ khó  
khăn giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Nghệ An, làm căn cứ xây dựng kế  
hoạch và phân bổ vốn hàng năm cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã  
an toàn khu thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Nghệ  
An như sau:

#### **I. Các tiêu chí để phân loại xã và cách tính điểm của từng tiêu chí**

##### **1. Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo**

Xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu có tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo dưới 65% được tính 01 điểm; từ 65% đến 75% được tính 1,5 điểm; trên 75% cứ tăng 10% được cộng 01 điểm.

#### 2. Tiêu chí số thôn bản đặc biệt khó khăn trong xã

Xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu có tỷ lệ thôn, bản đặc biệt khó khăn dưới 50% được tính 1 điểm; từ 50% đến 70% được tính 1,5 điểm; trên 70% cứ tăng 10% được cộng 0,5 điểm.

#### 3. Tiêu chí số hộ dân trong xã

a) Xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu có số hộ dân dưới 500 hộ được tính 0,1 điểm; từ 500 hộ trở lên, cứ tăng 100 hộ được cộng 0,01 điểm;

b) Xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu có tỷ lệ hộ đồng bào dân tộc thiểu số dưới 20% được tính 0,5 điểm; từ 20% đến dưới 60% được tính 01 điểm; Từ 60% cứ tăng 10% được cộng 0,2 điểm.

#### 4. Tiêu chí diện tích tự nhiên

Xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu có diện tích tự nhiên dưới 5.000 ha được tính 0,5 điểm; Từ 5.000 ha trở lên, cứ tăng 1.000 ha được cộng 0,05 điểm.

#### 5. Tiêu chí đặc thù

a) Xã biên giới được tính 0,5 điểm/xã;

b) Cự li đường từ trung tâm huyện đến trung tâm xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu được tính 0,02 điểm/km;

c) Số thôn trong xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu chưa có đường giao thông được nhựa hóa hoặc bê tông hóa đến trung tâm xã được tính 0,3 điểm/thôn;

d) Số thôn trong xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu chưa có điện lưới Quốc gia được tính 0,3 điểm/thôn.

### II. Phân loại xã theo mức độ khó khăn

1. Căn cứ tổng số điểm 5 tiêu chí số xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu được phân thành 3 nhóm với 3 mức khó khăn:

a) Số xã mức độ khó khăn (K1): bao gồm 33% số xã (làm tròn) có tổng điểm tính từ thấp đến cao.

b) Số xã mức độ khó khăn (K2): bao gồm 34% số xã (làm tròn) có tổng điểm cao tiếp theo sau số xã mức độ khó khăn K1.

c) Số xã mức độ khó khăn (K3): bao gồm 33% số xã (làm tròn bằng số xã mức độ khó khăn K1) còn lại.

2. Trong trường hợp khi phân nhóm các xã có cùng điểm số thì ưu tiên theo thứ tự những xã có tổng tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo cao hơn; xã có tỷ lệ

thôn đặc biệt khó khăn cao hơn; xã có tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số cao hơn để xếp vào nhóm có mức độ khó khăn cao hơn.

**Điều 2.** Ban Dân tộc tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và các Sở, ngành, đơn vị liên quan tính tổng số điểm, phân loại mức độ khó khăn cho từng xã; tính toán, phân bổ vốn cho các xã thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2017-2020 theo mức độ khó khăn trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 05/4/2017.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Trưởng Ban Dân tộc tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNN; Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã được hưởng Chương trình 135 và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP NC UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX (khoa).



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Minh Thông**